**PHÚ SÔNG BẠCH ĐẰNG**

 Trương Hán Siêu

**I/ Tìm hiểu chung**

1**/ Tác giả:**

 -Trương Hán Siêu (?- 1354), tự là Thăng Phủ, quê ở huyện Yên Ninh- Ninh Bình.

 -Là Môn Khách của Trần Hưng Đạo.

 -Giữ chức Hàn lâm học sĩ đời Trần Nhân Tông.

 -1351, thăng chức Tham tri chính sự.

 - Khi mất, ông được vua tặng tước Thái bảo, Thái phó và được thờ ở Văn Miếu (Hà Nội).

 -Tính tình cương trực, học vấn uyên thâm, được vua Trần tin cậy, nhân dân kính trọng.

 2/ Bài “Phú sông Bạch Đằng”

 a. Hoàn cảnh sáng tác: khoảng 50 năm, sau cuộc kháng chiến chống giặc Mông- Nguyên thắng lợi, khi tác giả du ngoạn trên sông Bạch Đằng, hoài cảm, tiếc nhớ những anh hùng xưa.

 b. Thể loại: Phú là thể văn có vần hoặc xen lẫn văn vần và văn xuôi, dùng tả cảnh vật, phong tục, kể sự việc, bàn chuyện đời...

**II/ Đọc- hiểu văn bản**

1**/ Cảm xúc lịch sử của nhân vật khách trước cảnh sắc sông Bạch Đằng**

a.Hình tượng nhân vật khách

-Là hóa thân của tác giả, mục đích du ngoản là thưởng thức thiên nhiên và trau dồi thêm kiến thức.

-Hai câu thơ đầu: Khách là người có niềm say mê với thiên nhiên

 “Giương buồm trong gió chơi vơi,
 Lướt bể chơi trăng mải miết”

- Khách đã “đi qua”: địa danh lấy trong điển cố Trung Quốc (Nguyên, Tương, Vũ Huyệt, Cửu Giang, Ngũ Hồ,…) thể hiện tráng chí bốn phương, hiểu biết phong phú, có hoài bão;

-Địa danh của đất Việt (cửa Đại Than, bến Đông Triều, sông Bạch Đằng) : cảnh vật cụ thể --> thể hiện tình yêu đất nước, tâm hồn ưu ái.

+ Hùng vĩ, hoàng tráng, thơ mộng “Bát ngát song kình... ba thu “

+Cảnh sắc sông Bạch Đằng có phần ảm đạm, điu hiu “bờ lau...xương khô”

→ Khát khao vẫy vùng

bTâm trạng nhân vật khách

 -“Khách” mang tâm trạng buồn vui lẫn lộn, vui trước cảnh hùng vĩ thơ mộng “bát ngát sóng kình, thướt tha đuôi trĩ…”

 -Phấn khởi tự hào trước dòng sông từng ghi bao chiến tích “gãy giáo”, “xương khô”, nhưng cũng lặng buồn vì cảnh xưa, dấu tích xưa giờ đìu hiu hoang vắng

-“Buồn vì cảnh thảm”, tiếc thương những người anh hùng đã khuất “Thương nỗi anh hùng”, “tiếc thay”.

**2. Bô lão kể lại chiến tích trên sông Bạch Đằng**

- Các bô lão- người kể chuyện nhân dân địa phương, có thể là hư cấu, bình luận chiến tích xưa- đến với khách bằng thái độ nhiệt tình, hiếu khách, tôn kính.

- Nội dung lời kể: theo trình tự diễn biến trận đánh.

“*Thuyền bè… chửa phân*”: hai bên ta và địch tập trung binh lực hùng hậu.

*“Trận đánh… chống đối*”: gay go, quyết liệt.

“*Ánh nhật… bốn cõi*”: Ta: “thế yếu”- một lòng yêu nước, chính nghĩa>< giặc: “thế cường”, bao mưu ma chước quỷ, ác liệt., báo hiệu cuộc thủy chiến kinh thiên động địa.

*“Thế nhưng.. khôn rửa nổi”:* ta chiến thắng, giặc chuốc nhục muôn đời

-Thái độ, giọng điệu: đầy nhiệt huyết, tự hào; lời kể cô đọng, súc tích nhưng gợi lại được diễn biến, không khí của trận đánh.Các chiến tích được tái hiện bằng cảm hứng lịch sử với âm điệu hào hùng , đó là sức mạnh, khí thế dũng mãnh như hổ báo của các chiến sĩ đời Trần, trận đánh mang tầm vóc kì vĩ; ý chí yêu nước cùng sức mạnh chính nghĩa của quân ta đã chiến thắng vẻ vang.

→ Cảm húng mang giá trị nhân văn sâu sắc.

 **3. Lời bình luận, suy ngẫm của các bô lão**

 Các bô lão suy ngẫm rằng: ông cha ta lập nhiều chiến tích trên sông Bạch Đằng là do:

*Trời đất cho nơi hiểm trở. Nhân tài giữ cuộc điện an*.

→ 2 nhân tố dẫn đến chiến thắng nhưng vai trò và vị trí con người là nhân tố quyết định.

→ Đọan văn khẳng định sức mạnh và trí tuệ con người.Đó là cảm hứng mang giá trị nhân văn và có tầm triết lí sâu sắc.

 **4.Lời ca khẳng định vai trò và đức độ con người.**

-Lời ca của các bô lão:

+ Bất nghĩa: tiêu vong.

+ Anh hùng: lưu danh.

→ Tuyên ngôn, chân lí vĩnh hằng bất biến, là quy luật từ ngàn xưa đến nay.

- Lời hòa ca của khách:

 + Anh minh hai vị thánh quân

+ Bởi đâu…, cốt mình đức cao.

→ Ca ngợi sự anh minh của hai vị thánh quân, khẳng định chan lí chiến thắng.

 **5.Nghệ thuật**:

-Sử dụng thể phú tự do, phóng khoáng, kết hợp tự sự, trữ tình.

- Kết cấu chặt chẽ, lối diễn đạt khoa trương...

**III.Tổng kết**

1. Giá trị nội dung:

- Lòng yêu nước.

- Tự hào dân tộc về truyền thống anh hùng bất khuất và đạo lí nhân nghĩa.

- Tư tưởng nhân văn cao đẹp:

+ Khẳng định và đề cao vai trò của con người, đạo lí chính nghĩa.

+ Nỗi niềm cảm khái trước sông Bạch Đằng trong hiện tại.

2. Nghệ thuật:

- Cấu tứ: đơn giản mà hấp dẫn.

- Bố cục: chặt chẽ.

- Hình tượng nghệ thuật: sinh động, vừa gợi hình sắc trực tiếp vừa mang ý nghĩa khái quát, triết lí.

- Ngôn ngữ: trang trọng, hào sảng vừa lắng đọng, gợi cảm.

-Bài phú là đỉnh cao nghệ thuật của thể phú trong văn học trung đại Việt Nam.

----------------------------------------------